

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Võ Trọng Văn

2.Bà Đinh Thị Hạnh

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Mai Thảo Chi-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên Tòa: bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 162/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2022/QĐXX-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 121/2022/TBMPT-DS, ngày 16/9/2022 giữa:

1.*Nguyên đơn:* Đặng Thị Kim T, sinh năm: 1968

Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

Lê Văn T1, sinh năm: 1966 (chồng bà T)

Cùng nơi cư trú: số 03, đường 3/2, khu phố 7, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2.*Bị đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: số 357, đường 3/2, khu phố 9, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Lê Văn T1, sinh năm: 1966 (chồng bà T)

Nơi cư trú: số 03, đường 3/2, khu phố 7, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3.2 Nguyễn Văn T (chồng bà H)

Nơi cư trú: số 357, đường 3/2, khu phố 9, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt: Nguyên đơn và ông Lê Văn T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/9/2022; bị đơn và ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, biên bản không hòa giải được có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày: Toàn bộ chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền (b1 số 04) là của bà H viết, số tiền này bà cho vay nhiều lần, sau đó hai bên thống nhất với nhau và bà H viết lại giấy vay là vay của bà 27.000.000đồng. Sau khi viết giấy vay này thì hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3%/tháng. Khi bà H vay thì nói vay dùng vào mục đích đóng tiền cho con, tích chữ mua ve chai, mở tiệm cho con (bà không có chứng cứ nào để chứng minh bà H vay tiền để đóng tiền học cho con, tích chữ ve chai, mở tiệm cho con). Kể từ ngày viết giấy vay cho đến nay thì bà H chưa trả tiền gốc và lãi cho bà. Sau khi cho vay một thời gian thì bà có xuống nhà bà H đòi nhiều lần, nhưng chồng bà H rất hàm hồ đòi chém bà. Khi bà cho bà H vay tiền thì chồng bà H là ông T không biết việc cho vay. Nay bà yêu cầu bà H phải liên đới cùng ông T trả cho bà số tiền gốc 27.000.000đồng, bà không yêu cầu tiền lãi.

Về phía bị đơn và ông Nguyễn Văn T (chồng bà H): Sau khi Tòa án nhân huyện đức Linh thụ lý vụ án thì đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà H, ông T đã nhận được thông báo thụ lý, các thông báo hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H, ông T cố tình không tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn T1 trình bày: số tiền bà T cho bà H vay số tiền 27.000.000đồng là tiền chung của hai vợ chồng ông bà. Nay bà T kiện bà H để đòi lại số tiền trên thì ông thống nhất như ý kiến của bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn và ông Lê Văn T1 đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T (chồng bà H) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy HĐXX, xét xử vắng mặt bị đơn và ông Nguyễn Văn T là đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về tiền gốc phải trả và nghĩa vụ liên đới: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho bà Đặng Thị Kim T số tiền gốc 27.000.000đồng.

Về án phí DSST: bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, những lời khai được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm Sát Viên tại phiên tòa;

[1]Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05/9/2022. Hội đồng xét xử xét thấy rằng nội dung và hình thức của đơn đề nghị xét

xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng pháp luật.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và có đủ căn cứ chứng minh vào thời gian này, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có mặt tại số nhà 357, đường 3/2, khu phố 9, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà H, ông T biết bà T khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” để đòi lại số tiền đã cho bà H vay, nhưng ông bà cố tình không có mặt theo thông báo của Tòa. Chứng tỏ bà H, ông T đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định của điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà H, ông T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022 và các tài liệu chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc khởi kiện bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

[4.2] Xét về khoản tiền vay gốc:

-Đối với giấy vay tiền ngày 09/4/2020 âm lịch (bút lục 23): Nguyên đơn khẳng định đã cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 27.000.000đồng và trong giấy vay cũng thể hiện số tiền vay này. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền 27.000.000đồng tiền gốc cho bà Đặng Thị Kim T và ông Lê Văn T1.

[4.3] Về tiền lãi:

Bà Đặng Thị Kim T và ông Lê Văn T1 không yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả tiền lãi. Đây là ý chí tự nguyện của ông bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

[4.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu nghĩa vụ liên đới:

Nguyên đơn Đặng Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Văn T là chồng của bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc cho nguyên đơn là không có căn cứ, bởi các lý do sau:

-Khi nguyên đơn cho bị đơn vay tiền thì chỉ có một mình bị đơn vay tiền, ông T hoàn toàn không biết việc cho vay (bút lục số 37). Ngoài ra trong giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp cũng không có chữ viết, chữ ký của ông T trong giấy vay tiền của nguyên đơn.

-Nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh bị đơn vay tiền dùng vào mục đích phát triển kinh tế, chi tiêu của gia đình bị đơn.

Từ tất cả các phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải liên đới với bà Nguyễn Thị H về số tiền bà Nguyễn Thị H đã vay của bà T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận về tiền gốc. Vì vậy cần buộc bị đơn Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật, cụ thể được tính như sau:

$27.000.000\text{đồng} \times 5\%$ giá trị tài sản có tranh chấp = 1.350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu.

Bà Đặng Thị Kim T không phải chịu án phí DSST. Vì vậy trả lại cho bà T số tiền đã nộp.

[6] Về áp dụng án lệ: Nghiên cứu các bản án lệ do TAND tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đối với việc phải trả tiền gốc 27.000.000đồng là phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm này của là phù hợp với nội dung vụ án.

Đối với nghĩa vụ liên đới phải trả số tiền 27.000.000đồng thì quan điểm liên đới phải trả là chưa phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm này.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 264, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu về tiền gốc của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Đặng Thị Kim T số tiền: 27.000.000đồng tiền gốc

Kể từ ngày bà Đặng Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bà Nguyễn Thị H, phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.350.000đồng án phí DSST. Án phí nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 810.000đồng trong biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009498, ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3/Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Thi hành án DS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, quyết định./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Thuận

